TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H** Số: 71 /2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *V, ngày 16 tháng 07 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2020 giữa: Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B – SN: 1982

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh H

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T– SN: 1981

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ quan: cháu Nguyễn Hồng S– SN: 03/01/2002, cháu Nguyễn Thị Lan H –SN: 02/09/2007.

Đều địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,58,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 07 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 07 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn T đều xin thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn T tự nguyện, tự thỏa thuận với nhau giao hai cháu: cháu Nguyễn Hồng S- sinh ngày 03/01/2002 và cháu Nguyễn Thị Lan H–SN: 02/09/2007 cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị B tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng tối thiểu là 1.000.000 đồng/ 1 cháu (tức là hai cháu là 2.000.000 đồng/ 1 tháng). Kể từ tháng 08/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung vợ chồng, về ruộng nông nghiệp, về công nợ, về công sức: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn T xác định anh chị không có, nếu có anh chị tự giải quyết với nhau và tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B tự nguyện xin chịu cả 150.000 tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000444 ngày 09/06/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lâm chị B đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *UBND xã V ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Phạm Văn T